

Bản án số: **02/2022/HNGĐ – ST**

Ngày: 19/01/2022

“V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Kim Sa Pha

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Phước

Ông Hà Văn Châu

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Quốc Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thúy Trang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 127/2021/TLST – HNGĐ ngày 10/6/2021; Về việc: *“Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 126/2021/QĐST – HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2020; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Kim O, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Trương Văn C, sinh năm 1972. Địa chỉ: Số 80T, đường K, khóm A, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 5 năm 2021, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị Kim O trình bày:***

Bà O với ông Trương Văn C cưới nhau năm 2000, trên tinh thần hôn nhân tự nguyện. Nhưng đến năm 2008 mới đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, được UBND Phường 6, thành phố Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 27, Quyền số 01, vào ngày 17/3/2008. Sau khi cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc và có với nhau 03 con chung. Đến cuối năm 2020 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không còn hiểu, cảm thông với nhau, nên hôn nhân không còn hạnh phúc và sống ly thân với nhau

cho đến nay. Hiện nay mâu thuẫn vợ chồng không hàn gắn được, không thể tiếp tục chung sống với nhau, nên bà O yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh C theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Bà với ông C có với nhau 03 con chung tên Trương Văn T, sinh năm 2001 (đã trưởng thành), Trương Minh T1, sinh ngày 19/6/2005 và Trương Văn K, sinh ngày 02/3/2009. Nay bà O yêu cầu được quyền nuôi hai con là cháu T và K sau khi ly hôn, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con, còn cháu T đã trưởng thành muốn sống chung với bà hoặc ông C cũng được.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Trương Văn C được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng không có ý kiến trả lời cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Võ Thị Kim O và vắng mặt tại phiên tòa. Nhưng tại phiên họp kiểm tra, giao nộp, công khai chứng cứ ngày 31/8/2021, bị đơn ông C có ý kiến thống nhất với yêu cầu ly hôn của bà O đối với ông nhưng có yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung là cháu Trương Văn K sau khi ly hôn, do cháu K hiện nay do ông đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu bà O cấp dưỡng nuôi con.

* Tại Công văn số 313/CV – PLĐ ngày 23 tháng 6 năm 2021 của Phòng Lao động – Thương binh và xã hội thành phố Sóc Trăng cung cấp ý kiến cho Tòa án về việc ly hôn và tranh chấp về con nuôi của các đương sự, yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu của các đương sự theo quy định của pháp luật trên cơ sở đảm bảo quyền lợi chính đáng của các đương sự và các con chưa thành niên.

* *Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Còn các đương sự chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án để thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình, vắng mặt tại các phiên hòa giải. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà O đối với ông C, cho bà O ly hôn với ông C theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, còn con chung giao cháu Trương Minh T và Trương Văn K cho bà O tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành theo nguyện vọng của cháu T và K, không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con do đương sự không yêu cầu; Tài sản chung, nợ chung không có, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Trương Văn C được triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Xét thấy, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng

điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông C theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Võ Thị Kim O với ông Trương Văn C cưới nhau năm 2000, nhưng đến năm 2008 mới đi đăng ký kết hôn, được UBND Phường B, thành phố Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 27, Quyền số 01, vào ngày 17/3/2008. Sau khi cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc và có với nhau 03 con chung. Đến cuối năm 2020 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn, không hàn gắn được và sống ly thân với nhau cho đến nay. Nay bà O nộp đơn xin ly hôn với ông C. Từ đó các bên phát sinh tranh chấp.

[3] Về hôn nhân: Bà Võ Thị Kim O với ông Trương Văn C cưới nhau năm 2000, nhưng đến năm 2008 mới đi đăng ký kết hôn, được UBND Phường B, thành phố Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 27, Quyền số 01, vào ngày 17/3/2008 nên quan hệ hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ khi có phát sinh tranh chấp. Tuy nhiên, theo bà O trình bày, trong cuộc sống hôn nhân của ông bà không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không hiểu nhau, hiện nay không còn quan tâm đến nhau và đến cuối năm 2020 bà với ông C sống ly thân với nhau cho đến nay, không hàn gắn được tình cảm vợ chồng để tiếp tục sống chung với nhau, nên bà O nộp đơn xin ly hôn. Xét yêu cầu xin ly hôn của bà O đối với ông C thì thấy, đến thời điểm hiện nay mâu thuẫn hôn nhân giữa ông bà đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài vì hai vợ chồng đã sống ly thân hơn 01 năm, không hàn gắn được tình cảm vợ chồng và bị đơn ông C cũng đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà O nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Kim O đối với ông Trương Văn C.

[4] Về con chung: Bà với ông C có với nhau 03 con chung tên Trương Văn T, sinh năm 2001 (đã trưởng thành), Trương Minh T1, sinh ngày 19/6/2005 và Trương Văn K, sinh ngày 02/3/2009. Bà O yêu cầu được quyền nuôi hai con cháu T và cháu K, còn ông C đồng ý giao cháu Tú cho bà O tiếp tục nuôi dưỡng, còn ông yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu K. Xét yêu cầu được quyền nuôi con chung của các đương sự thì thấy, hiện nay cháu T và cháu K đang được bà O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án cháu K được ông C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và tại biên bản ghi ý kiến ngày 31/8/2021 của Tòa án đối với cháu K thì cháu K có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với ông C, nhưng hiện nay ông C đã giao cháu K cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng, có ý kiến của cháu K và xác nhận của UBND xã nơi bà O cư trú, ông C không đồng ý nuôi cháu K sau ly hôn. Do đó, yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng hai con cháu T và cháu K của bà O là phù hợp với điều kiện thực tế, nguyện vọng của các cháu và quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với cháu Trương Văn T, sinh năm 2001 (đã trưởng thành), cuộc sống tự lập, các đương sự không có yêu cầu về nuôi dưỡng, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con, do các đương sự không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 bà Võ Thị Kim O phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định là 300.000 đồng.

[7] Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1,3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng: Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Bà Võ Thị Kim O được ly hôn với ông Trương Văn C.

2/ Về con chung: Giao cháu Trương Minh T, sinh ngày 19/6/2005 và Trương Văn K, sinh ngày 02/3/2009 cho bà Võ Thị Kim O tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Dành cho ông Trương Văn C được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con, do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Võ Thị Kim O phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007953 ngày 04/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, như vậy bà O đã nộp xong.

5/ Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn ông Trương Văn C vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

6/ Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Sóc Trăng;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS TP. Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- UBND Phường C;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Kim Sa Pha